TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Quyết định giám đốc thẩm Số: 04/2025/DS-GĐT Ngày 02/01/2025 V/v Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

***- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có*:**

Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Minh Thủy - Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Các Thẩm phán: Bà Lương Ngọc Trâm;

Ông Ngô Hồng Phúc;

Ông Lê Văn Minh;

Ông Trần Hồng Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Thơm - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sơn - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự "*Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Xuân H, sinh năm 1937; cư trú tại: Tổ dân phố P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- *Bị đơn*: Ông Hoàng M, sinh năm 1960; cư trú tại: Số A Đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình;

Địa chỉ: Số F Đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;

Địa chỉ: Số H Đường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Ngọc Đ, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Bà Hoàng Thị T1 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T1:

3.1. Anh Nguyễn Công H1; cư trú tại: Tổ dân phố H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;

3.2. Anh Nguyễn Công H2 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh H2:

- Chị Trần Thị C;

- Cháu Nguyễn Thị H3;

- Cháu Nguyễn Công H4;

Cùng cư trú tại: Số H Đường T, Tổ dân phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Cháu Nguyễn Thị Lệ H5; cư trú tại: Số A Đường T, Tổ dân phố F, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;

3.3. Anh Nguyễn Công H6 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh H6:

- Chị Đoàn Thị H7;

- Cháu Nguyễn Công H8;

- Cháu Nguyễn Thị H9;

- Cháu Nguyễn Công H10;

Cùng cư trú tại: Số F Đường N, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Chị Nguyễn Thị H11; cư trú tại: Cụm E Đường T, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Chị Nguyễn Thị H12; cư trú tại: Số H Đường N, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

4. Ông Hoàng Mậu Đ1 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ1:

4.1. Chị Hoàng Thị Kim C1, sinh năm 1965; cư trú tại: Số B Đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

4.2. Anh Hoàng Văn P (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh P:

- Chị Trần Thị N;

- Cháu Hoàng Văn Q;

- Cháu Hoàng Văn T2;

- Cháu Hoàng Thị Ngọc V;

Cùng cư trú tại: Số B Đường Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4.3. Chị Hoàng Thị Minh H13; cư trú tại: Số C, Đường N, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

5. Bà Hoàng Thị T3; cư trú tại: Số C Đường N, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

6. Bà Hoàng Thị T4 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T4:

6.1. Chị Lê Thị Thúy V1;

6.2. Chị Lê Bích N1;

6.3. Anh Lê Xuân K;

6.4. Anh Lê Xuân C2;

6.5. Anh Lê Xuân T5;

6.6. Anh Lê Thanh T6;

Cùng cư trú tại: Số B Đường N, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

7. Ông Hoàng Thanh T7 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T7:

7.1. Bà Trần Thị M1;

7.2. Anh Hoàng T8;

7.3. Chị Hoàng Thị Â;

7.4. Chị Hoàng Thị N2;

7.5. Anh Hoàng Văn K1;

Cùng cư trú tại: Tổ dân phố D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

8. Bà Hoàng Thị G; cư trú tại: Số A Đường L, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

9. Bà Hoàng Thị H14; cư trú tại: Số B, Ngõ A, Đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

10. Bà Hoàng Thị N3; cư trú tại: Số C Đường L, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

11. Bà Nguyễn Thị T9 (hay còn gọi là Nguyễn Thị T10); cư trú tại: Số A, Đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 04/5/2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Hoàng Xuân H trình bày:

Cha mẹ của ông là vợ chồng cụ Hoàng L (chết năm 1979) và cụ Nguyễn Thị K2 (chết năm 1988) sinh được 10 người con chung gồm: ông, bà Hoàng Thị T1 (đã chết), ông Hoàng Mậu Đ1 (đã chết), ông Hoàng Thanh T7 (đã chết), bà Hoàng Thị T3, bà Hoàng Thị T4, bà Hoàng Thị G, bà Hoàng Thị H14, bà Hoàng Thị N3 và ông Hoàng M. Cụ L và cụ K2 không có con nuôi, con riêng và không để lại di chúc.

Khi còn sống cụ L, cụ K2 tạo lập được 01 nhà cấp 4 có diện tích khoảng 50m^2, 01 nhà bếp có diện tích khoảng 25m^2, 01 giếng nước trên diện tích đất 446,1m^2 tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại số A Đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Sau khi cụ L, cụ K2 chết; các anh chị em trong gia đình giao cho vợ chồng ông T7 trông coi, tăng gia sản xuất và thờ phụng giỗ tết cha mẹ đối với nhà đất do vợ chồng cụ L để lại.

Năm 1989-1990, vợ chồng ông Hoàng M từ Huế chuyển về sinh sống tại ngôi nhà của vợ chồng cụ L để lại. Sau đó, vợ chồng ông M phá bỏ toàn bộ 02 nhà cũ và xây nhà mới có diện tích khoảng 60m^2 mà không thông qua ý kiến của các anh em trong gia đình.

Năm 1997, vợ chồng ông M cho người khác thuê nhà đất tại thửa đất số 42 nêu trên để kinh doanh và chuyển ra sinh sống tại số A Đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Đồng thời, vợ chồng ông M đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 42 nêu trên.

Năm 2020, các anh chị trong gia đình biết tin vợ chồng ông M bán nhà, đất tại thửa số 42 nêu trên để sang Úc định cư mà không thông qua ý kiến của anh em trong gia đình.

Ông yêu cầu vợ chồng ông M trả lại thửa đất nêu trên cho anh chị em làm nơi thờ cúng, nếu không đồng ý trả lại đất thì yêu cầu Tòa án chia thừa kế thửa đất nêu trên của vợ chồng cụ L theo pháp luật và 09 anh chị em còn lại trong gia đình xin nhận bằng hiện vật để làm nơi thờ cúng và yêu cầu Tòa án và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông Hoàng M tại thửa đất số 42 nêu trên.

Bị đơn là ông Hoàng M cùng người có quyền lợi nghĩa vụ là bà Nguyễn Thị T9 (vợ của ông M) trình bày: Ông, bà thống nhất với lời khai của nguyên đơn về huyết thống. Tháng 07/1989, ông bà chuyển từ Thừa Thiên Huế về nhà đất tại thửa số 42 nêu trên để ở (tại thời điểm này nhà, đất đang bỏ hoang sau khi cụ K2 chết). Năm 1990, ông, bà phá bỏ nhà cũ, xây nhà mới kiên cố, các anh chị em trong gia đình đều biết. Sau đó, ông bà đăng ký, kê khai và năm 2001 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 42 nêu trên. Sổ đăng ký ruộng đất năm 1993, hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm

2001 thể hiện ông M đứng tên kê khai chủ sử dụng thửa đất số 42 nêu trên. Ông, bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, diện tích đất tranh chấp nêu trên là của ông bà, không phải là di sản thừa kế của cụ L, cụ K2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị T3, bà Hoàng Thị T4, bà Hoàng Thị G, bà Hoàng Thị H14, bà Hoàng Thị N3 và các thừa kế của ông Hoàng Đức M2, ông Hoàng T7, bà Hoàng Thị T1 trình bày:

Các ông, bà là con của cụ L và cụ K2, nhất trí với trình bày của nguyên đơn, bị đơn về huyết thống. Cụ L, cụ K2 chết không để lại di chúc, di sản hai cụ có nhà ở cấp 4, nhà nhỏ (nhà bếp) tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 50, phường Đ (nay là số A Đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị). Sau khi hai cụ mất, anh chị em trong gia đình giao cho vợ chồng ông T7 quản lý và hương khói thờ phụng ông bà. Năm 1989 gia đình ông M từ Thừa Thiên Huế về, chưa có nhà ở nên các anh chị em trong gia đình cho vợ chồng ông M ở và hương khói thờ phụng cha mẹ tại nhà đất do vợ chồng cụ L để lại.

Vợ chồng ông M ở một thời gian thì làm nhà mới ra sát đường và phá bỏ nhà cũ của cha mẹ để lại nhưng không thông báo với anh chị em trong gia đình. Năm 2002, vợ chồng ông M chuyển về ở tại số A đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Nhà, đất tại thửa đất số 42 nêu trên vợ chồng ông M cho thuê mỗi năm 60.000.000 đồng. Tháng 2/2020, các anh chị em trong gia đình biết tin vợ chồng ông M bán nhà, đất tại thửa đất số 42 nêu trên và được biết thửa đất từ đường của cha mẹ để lại đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông M nhưng không có ý kiến của anh chị em trong gia đình là không đúng. Do đó, các ông, bà đề nghị vợ chồng ông M trả lại đất cho 09 anh, chị, em để làm nhà thờ phụng bố mẹ. Nếu phải chia thừa kế thì yêu cầu chia đất thành 10 phần để anh chị em góp đất lại làm nhà thờ, không yêu cầu chia bằng tiền.

- Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình trình bày:

Ngày 11/9/2014, ông Hoàng M, bà Nguyễn Thị T9 nộp hồ sơ đăng ký biến động và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 50, phường Đ (thửa đất này được Ủy ban nhân dân tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 2001, vào sổ 00153QSDĐ/13QĐ-UB ngày 13/02/2001). Căn cứ hồ sơ và biên bản thẩm định đăng ký biến động ngày 30/9/2014 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố, ngày 14/10/2014 Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M, bà T9 đối với thửa đất nói trên theo quy định. Trình tự, thủ tục đăng ký biến động, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho ông M, bà T9 được thực hiện theo đúng quy định. Từ khi cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M, bà T9 đến nay, Ủy ban nhân dân thành phố Đ không nhận được khiếu nại liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Do vậy, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 25/01/2021, Tòa án

nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Hoàng Xuân H về chia di sản thừa kế bằng giá trị quyền sử dụng đất thửa đất số 42, tờ bản đồ 50, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, cụ thể: Ông M được toàn quyền sử dụng thửa đất số 42, tờ bản đồ số 50 nêu trên nhưng có nghĩa vụ thanh toán giá trị bằng tiền cho chín đồng thừa kế khác gồm ông Hoàng Xuân H, bà Hoàng Thị T1, ông Hoàng Mậu Đ1, bà Hoàng Thị T3, bà Hoàng Thị T4, ông Hoàng Thanh T7, bà Hoàng Thị G, bà Hoàng Thị H14, bà Hoàng Thị N3 mỗi người 151.049.000 đồng.

Bà T1 chết nên các con là anh Nguyễn Công H1, anh Nguyễn Công H2, anh Nguyễn Công H6 được hưởng mỗi người 50.349.930 đồng. Anh H2 chết nên vợ con anh H2 là chị C, cháu H13, cháu H7, cháu H4 mỗi người được hưởng 12.587.484 đồng. Anh H6 chết nên vợ con của anh H6 là chị Đoàn Thị H7, cháu Nguyễn Công H8, cháu Nguyễn Thị H9, cháu Nguyễn Công H10, cháu Nguyễn Thị H11, cháu Nguyễn Thị H12 mỗi người được hưởng 8.391.656 đồng.

Ông Hoàng Mậu Đ1 chết nên các con của ông Đ1 là chị Hoàng Thị Kim C1, chị Hoàng Thị H13, anh Hoàng Văn P mỗi người được hưởng 50.349.930 đồng. Anh P chết nên vợ con của anh P là chị Trần Thị N, cháu Hoàng Văn Q, cháu Hoàng Văn T2, cháu Hoàng Thị Ngọc V mỗi người được hưởng 12.587.484 đồng.

Ông Hoàng Thanh T7 chết nên vợ con của ông T7 là bà Trần Thị M1, anh Hoàng Xuân T10, chị Hoàng Thị Â, chị Hoàng Thị N2, anh Hoàng Văn K1 mỗi người được hưởng 30.209.800 đồng.

Ông M, bà T9 được hưởng công thù lao quản lý di sản 151.049.000 đồng trong giá trị di sản là quyền sử dụng đất do cụ L, cụ K2 để lại.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 596286 ngày 14/10/2014 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho ông Hoàng M, bà Nguyễn Thị T9 (T10) tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 50, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Ngoài ra, Toà án còn quyết định về chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 04/02/2021, ông Hoàng M kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 206/2021/DS-PT ngày 23/11/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 25/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án còn quyết định về án phí.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 06/4/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Không chấp nhận khởi kiện của ông Hoàng Xuân H về việc yêu cầu chia thừa kế 446,1m^2 đất tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 50, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 00153QSDĐ/13 QĐ-UB ngày 13/02/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 596286 ngày 14/10/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cấp đổi cho ông Hoàng M, bà Nguyễn Thị T9.

Ngoài ra, Tòa án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 15/4/2022, ông Hoàng Xuân H kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm và yêu cầu chia di sản thừa kế bằng hiện vật.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKS-DS ngày 29/4/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, đề nghị Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo đúng quy định.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 181/DS-PT ngày 02/8/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Xuân H;

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí phúc thẩm.

Ngày 10/9/2022, ông Hoàng Xuân H có đơn đề nghị xem xét lại Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 100/2024/KN-DS ngày 27/9/2024, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 181/2022/DS-PT ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vợ chồng cụ Hoàng L (chết năm 1979) và cụ Nguyễn Thị K2 (chết năm 1988) sinh được 10 người con chung gồm: Bà Hoàng Thị T1 (đã chết), ông Hoàng Mậu Đ1 (đã chết), ông Hoàng Thanh T7 (đã chết), ông Hoàng Xuân H, bà Hoàng Thị T3, bà Hoàng Thị T4, bà Hoàng Thị G, bà Hoàng Thị H14, bà Hoàng Thị N3

và ông Hoàng M. Cụ L và cụ K2 không có con nuôi, không có con riêng, không để lại di chúc.

[2] Nguyên đơn là ông Hoàng Xuân H cùng những người con của vợ chồng cụ K2 là bà Hoàng Thị G, bà Hoàng Thị T3, bà Hoàng Thị N3, bà Hoàng Thị T4, các thừa kế của bà Hoàng Thị T1, ông Hoàng Mậu Đ1 và ông Hoàng Thanh T7 đều có lời khai cho rằng khi còn sống vợ chồng cụ K2 tạo lập được 01 nhà cấp 4 có diện tích khoảng 50m^2, 01 nhà bếp có diện tích khoảng 25m^2, 01 giếng nước trên diện tích đất 520m^2 (diện tích đo đạc thực tế 446,1m^2) tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại số A đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Sau khi cụ L, cụ K2 chết, các anh chị em trong gia đình giao cho vợ chồng ông Hoàng Thanh T7 trông coi. Năm 1989-1990, vợ chồng ông Hoàng M từ Thừa Thiên H15 chuyển về sinh sống tại nhà đất thửa số 42 của vợ chồng cụ L để lại. Sau đó, vợ chồng ông M phá bỏ toàn bộ 02 nhà cũ và xây nhà mới có diện tích khoảng 60m^2 mà không thông qua ý kiến của các anh chị em trong gia đình. Năm 1997, vợ chồng ông Hoàng M cho thuê nhà đất tại thửa đất số 42 nêu trên và chuyển ra nhà đất tại số A đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình để sinh sống.

[3] Bị đơn là ông Hoàng M cùng vợ là bà Nguyễn Thị T9 cũng có lời khai xác nhận tháng 07/1989 vợ chồng ông M chuyển từ Huế về nhà đất tại thửa đất số 42 để ở (tại thời điểm này nhà, đất đang bỏ hoang sau khi cụ K2 chết); năm 1990, vợ chồng ông M phá bỏ nhà cũ, xây nhà mới kiên cố, các anh chị em trong gia đình đều biết, sau đó vợ chồng ông M đăng ký, kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 42 nêu trên năm 2001.

[4] Tài liệu do vợ chồng ông M cung cấp là Sổ đăng ký ruộng đất năm 1993, hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 thể hiện ông M đứng tên kê khai chủ sử dụng thửa đất số 42, nhưng không rõ nguồn gốc đất. Bà T9, ông M cho rằng cụ K2 để lại nhà đất cho ông M vì các anh chị em trong gia đình đều có nhà đất nơi khác nhưng vợ chồng ông M không xuất trình được tài liệu chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án, các anh chị em trong gia đình của ông M không thừa nhận việc cụ K2 để lại nhà đất cho ông M.

[5] Như vậy, căn cứ vào lời khai của các con của vợ chồng cụ K2, sự thừa nhận của vợ chồng ông M có cơ sở xác định thửa đất tranh chấp số 42 nêu trên do vợ chồng cụ L, cụ K2 để lại có nhà trên đất, là di sản của cụ L, cụ K2 theo quy định tại mục 1.3 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Cụ L chết năm 1979, cụ K2 chết năm 1988; cả hai cụ không để lại di chúc. Ngày 04/5/2020, ông Hoàng Xuân H có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất đang tranh chấp. Theo quy định tại Điều 36 Pháp lệnh Thừa kế năm 1990, Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế và Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ L, cụ K2 vẫn còn.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng các tài sản trên đất của cụ L, cụ K2 (nhà

và công trình) không còn tồn tại ở thời điểm giải quyết tranh chấp từ đó xác định đã hết thời hiệu để yêu cầu chia thừa kế với các tài sản trên đất là không đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng, vợ chồng ông Hoàng M đã đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây nhà kiên cố trên đất nhưng nguyên đơn và các người con còn lại của cụ L, cụ K2 không phản đối nghĩa là họ đã thừa nhận quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho ông M là không đúng pháp luật.

[7] Nguyên đơn cho rằng thửa đất tranh chấp có diện tích 520m^2, quá trình sử dụng vợ chồng ông M đã chuyển nhượng cho người khác (ông Đức C3) một phần đất có chiều ngang 1,2m nên diện tích còn lại 446,1m^2 đất. Do đó, khi giải quyết lại vụ án cần làm rõ diện tích tại thửa đất số 42 của vợ chồng cụ K2 để lại là bao nhiêu để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tòa án phải đánh giá việc vợ chồng ông Hoàng M quản lý, sử dụng di sản của vợ chồng cụ K2 để lại từ năm 1989 đến nay nhưng đồng thời cũng được hưởng hoa lợi từ việc cho thuê nhà, đất nêu trên và không có nhu cầu sử dụng đất để tính công sức cho vợ chồng ông M một cách hợp lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, khoản 2 Điều 345 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 100/2024/KN-DS ngày 27/9/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 181/2022/DS-PT ngày 02/8/2022 nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình về vụ án *"Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" giữa nguyên đơn là ông Hoàng Xuân H với bị đơn là ông Hoàng M cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- Vụ 9 VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình (kèm hồ sơ vụ án);
- Trung tâm Tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, TP Chủ tọa, Vụ GĐKT về dân sự TANDTC (02 bản), hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Minh Thủy